TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-DS ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Ông Dư Thành C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 09/9/2022 ông Dư Thành C có đến gặp bà để hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn vài ngày trả, không thỏa thuận lãi suất. Việc mượn tiền ông C có viết giấy biên nhận và ký tên, ghi rõ họ tên. Sau đó, ông C có trả cho bà được số tiền 1.500.000 đồng và còn nợ lại 8.500.000 đồng. Do cần sử dụng tiền nên bà đã nhiều lần yêu cầu ông C trả nợ còn lại nhưng ông C trốn tránh không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 8.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị đơn ông Dư Thành C đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà M khởi kiện yêu cầu ông Dư Thành C, cư trú tại ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Dư Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyện đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.2] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy biên nhận viết tay thể hiện nội dung "Hôm nay ngày 9/9/2022, tôi Dư Thành C có mượn của chị Đặng Thị M địa chỉ ấp H, xã B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng)". Cuối biên nhận người viết có ký tên và ghi họ tên Dư Thành C. Tại tòa bà M cung cấp đoạn ghi hình thể hiện nội dung ông C có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông C đã tự nguyên giao kết và thực hiện hợp đồng vay tiền với bà M. Mặc dù, việc vay tiền không có thỏa thuận thời gian trả nhưng khi bà M cần tiền đã nhiều lần yêu cầu ông C trả nợ, ông C chỉ trả cho bà được số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó, ông C trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ còn lại 8.500.000 đồng là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông C có trách nhiệm trả số tiền nợ 8.500.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận. Bà M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên nên ghi nhận.

[2.3] Tại tòa, bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà M, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí theo quy định là 8.500.000 đồng x 5% = 425.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Dư Thành C.

Buộc ông Dư Thành C có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị M số tiền nợ vay là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Đặng Thị M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc yêu cầu ông Dư Thành C có trách nhiệm trả số tiền nợ 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dư Thành C phải chịu 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đặng Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000072 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang